

Câu 161. Khai triển $(1-x)^{12}$, hệ số đứng trước x^7 là:

- A. 330 B. - 33 C. -72 **D. -792**

BÀI 4: PHÉP THỬ VÀ KHÔNG GIAN MẪU

Câu 162. Trong các thí nghiệm sau thí nghiệm nào không phải là phép thử ngẫu nhiên:

- A. Gieo đồng tiền xem nó mặt ngửa hay mặt sấp
B. Gieo 3 đồng tiền và xem có mấy đồng tiền lật ngửa
C. Chọn bất kì 1 HS trong lớp và xem là nam hay nữ
D. Bỏ hai viên bi xanh và ba viên bi đỏ trong một chiếc hộp, sau đó lấy từng viên một để đếm xem có tất cả bao nhiêu viên bi

Câu 163. Gieo 3 đồng tiền là một phép thử ngẫu nhiên có không gian mẫu là:

- A. {NN, NS, SN, SS} B. {NNN, SSS, NNS, SSN, NSN, SNS}
C. {NNN, SSS, NNS, SSN, NSN, SNS, NSS, SNN} D. {NNN, SSS, NNS, SSN, NSN, NSS, SNN}

Câu 164. Gieo một đồng tiền và một con súc sắc. Số phần tử của không gian mẫu là:

- A. 24 **B. 12** C. 6 D. 8

Câu 165. Gieo 2 con súc sắc và gọi kết quả xảy ra là tích số hai nút ở mặt trên. Số phần tử của không gian mẫu là:

- A. 9 **B. 18** C. 29 D. 39

Câu 166. Gieo con súc sắc 2 lần. Biến cố A là biến cố để sau 2 lần gieo có ít nhất một mặt 6 chấm :

- A. $A = \{(1;6), (2;6), (3,6), (4; 6), (5, 6)\}$
B. $A = \{(1;6), (2;6), (3,6), (4; 6), (5, 6), (6;6)\}$
C. $A = \{(1;6), (2;6), (3,6), (4; 6), (5, 6), (6; 6), (6;1), (6;2), (6;3), (6;4), (6;5)\}$
D. $A = \{(6;1), (6;2), (6;3), (6;4), (6;5)\}$

Câu 167. Gieo đồng tiền 2 lần. Số phần tử của biến cố để mặt ngửa xuất hiện đúng 1 lần là:

- A. 2 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 168. Gieo ngẫu nhiên 2 đồng tiền thì không gian mẫu của phép thử có bao nhiêu biến cố:

- A. 4 B. 8 C. 12 D. 16

Câu 169. Cho phép thử có không gian mẫu $\Omega = \{1,2,3,4,5,6\}$. Các cặp biến cố không đối nhau là:

- A. $A=\{1\}$ và $B = \{2, 3, 4, 5, 6\}$ B. $C=\{1, 4, 5\}$ và $D = \{2, 3, 6\}$

- C. $E=\{1, 4, 6\}$ và $F = \{2, 3\}$ D. Ω và ϕ

Câu 170. Một hộp đựng 10 thẻ, đánh số từ 1 đến 10. Chọn ngẫu nhiên 3 thẻ. Gọi A là biến cố để tổng số của 3 thẻ được chọn không vượt quá 8. Số phần tử của biến cố A là:

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

BÀI 5: XÁC SUẤT CỦA BIẾN CỐ

Câu 171. Gieo một con súc sắc. Xác suất để mặt chấm chẵn xuất hiện là:

- A. 0, 2 B. 0, 3 C. 0, 4 D. 0, 5

Câu 172. Rút ra một lá bài từ bộ bài 52 lá. Xác suất để được lá bích là:

- A. $\frac{1}{13}$ B. $\frac{1}{4}$ C. $\frac{12}{13}$ D. $\frac{3}{4}$

Câu 173. Rút ra một lá bài từ bộ bài 52 lá. Xác suất để được lá ách (A) là:

- A. $\frac{2}{13}$ B. $\frac{1}{169}$ C. $\frac{4}{13}$ D. $\frac{3}{4}$

Câu 174. Rút ra một lá bài từ bộ bài 52 lá. Xác suất để được lá ách (A) hay lá rô là:

- A. $\frac{1}{52}$ B. $\frac{2}{13}$ C. $\frac{4}{13}$ D. $\frac{17}{52}$

Câu 175. Rút ra một lá bài từ bộ bài 52 lá. Xác suất để được lá ách (A) hay lá già (K) hay lá đầm (Q) là:

- A. $\frac{1}{2197}$ B. $\frac{1}{64}$ C. $\frac{1}{13}$ D. $\frac{3}{13}$

Câu 176. Rút ra một lá bài từ bộ bài 52 lá. Xác suất để được lá bòi (J) màu đỏ hay lá 5 là:

HOC360.NET - TÀI LIỆU HỌC TẬP MIỄN PHÍ

A. $\frac{1}{13}$ B. $\frac{3}{26}$ C. $\frac{3}{13}$ D. $\frac{1}{238}$

Câu 177. ra một lá bài từ bộ bài 52 lá. Xác suất để được một lá rô hay một lá hình người (lá bò, đâm, già) là:

A. $\frac{17}{52}$ B. $\frac{11}{26}$ C. $\frac{3}{13}$ D. $\frac{3}{13}$

Câu 178. Gieo một con súc sắc 3 lần. Xác suất để được mặt số hai xuất hiện cả 3 lần là:

A. $\frac{1}{172}$ B. $\frac{1}{18}$ C. $\frac{1}{20}$ D. $\frac{1}{216}$

Câu 179. Gieo hai con súc sắc. Xác suất để tổng số chấm trên hai mặt bằng 11 là:

A. $\frac{1}{18}$ B. $\frac{1}{6}$ C. $\frac{1}{8}$ D. $\frac{2}{25}$

Câu 180. Gieo hai con súc sắc. Xác suất để tổng số chấm trên hai mặt bằng 7 là:

A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{7}{12}$ C. $\frac{1}{6}$ D. $\frac{1}{3}$

Câu 181. Gieo hai con súc sắc. Xác suất để tổng số chấm trên hai mặt chia hết cho 3 là:

A. $\frac{13}{36}$ B. $\frac{11}{36}$ C. $\frac{1}{3}$ D. $\frac{1}{6}$

Câu 182. Gieo ba con súc sắc. Xác suất để nhiều nhất hai mặt 5 là:

A. $\frac{5}{72}$ B. $\frac{1}{216}$ C. $\frac{1}{72}$ D. $\frac{215}{216}$

Câu 183. Từ các chữ số 1, 2, 4, 6, 8, 9 lấy ngẫu nhiên một số. Xác suất để lấy được một số nguyên tố là:

A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{1}{3}$ C. $\frac{1}{4}$ D. $\frac{1}{6}$

Câu 184. Cho hai biến cố A và B có $P(A) = \frac{1}{3}$, $P(B) = \frac{1}{4}$, $P(A \cup B) = \frac{1}{2}$ ta kết luận hai biến cố A và B là:

A. Độc lập B. Không độc lập C. Xung khắc D. Không xung khắc.

Câu 185. Gieo ngẫu nhiên một con súc sắc. Xác suất để mặt 6 chấm xuất hiện:

A. $\frac{1}{6}$ B. $\frac{5}{6}$ C. $\frac{1}{2}$ D. $\frac{1}{3}$

HOC360.NET - TÀI LIỆU HỌC TẬP MIỄN PHÍ

Câu 186. Gieo ngẫu nhiên 2 con súc sắc cân đối và đồng chất. Xác suất để sau hai lần gieo kết quả như nhau là:

- A. $\frac{5}{36}$ **B. $\frac{1}{6}$** C. $\frac{1}{2}$ D. 1

Câu 187. Gieo đồng tiền 2 lần. Xác suất để sau hai lần gieo thì mặt sấp xuất hiện ít nhất một lần

- A. $\frac{1}{4}$ B. $\frac{1}{2}$ **C. $\frac{3}{4}$** D. $\frac{1}{3}$

Câu 188. Gieo hai con súc sắc cân đối và đồng chất. Xác suất để tổng số chấm xuất hiện ở hai mặt trên chia hết cho 3 là:

- A. $\frac{13}{36}$ B. $\frac{1}{6}$ C. $\frac{11}{36}$ **D. $\frac{1}{3}$**

Câu 189. Một con súc sắc cân đối đồng chất được gieo 5 lần. Xác suất để tổng số chấm ở 2 lần gieo đầu bằng số chấm ở lần gieo thứ ba:

- A. $\frac{10}{216}$ **B. $\frac{15}{216}$** C. $\frac{16}{216}$ D. $\frac{12}{216}$

Câu 190. Một túi chứa 2 bi trắng và 3 bi đen. Rút ra 3 bi. Xác suất để được ít nhất 1 bi trắng là:

- A. $\frac{1}{5}$ B. $\frac{1}{10}$ **C. $\frac{9}{10}$** D. $\frac{4}{5}$

Câu 191. Có 10 hộp sữa trong đó có 3 hộp hư. Chọn ngẫu nhiên 4 hộp. xác suất để được nhiều nhất 3 hộp hư:

- A. $\frac{5}{21}$ **B. $\frac{41}{42}$** C. $\frac{1}{21}$ D. $\frac{1}{41}$

Câu 192. Chọn ngẫu nhiên một số có 2 chữ số từ các số 00 đến 99. Xác suất để có một con số tận cùng là 0 là:

- A. 0,1** B. 0,2 C. 0,3 D. 0,4

Câu 193. Chọn ngẫu nhiên một số có 2 chữ số từ các số 00 đến 99. Xác suất để có một con số lẻ và chia hết cho 9:

- A. 0,12 B. 0,6 **C. 0,06** D. 0,01

Câu 194. Một hộp đựng 9 thẻ được đánh số từ 1 đến 9. Rút ngẫu nhiên 2 thẻ và nhân 2 số ghi trên 2 thẻ với nhau. Xác suất để tích 2 số ghi trên 2 thẻ là số lẻ là:

- A. $\frac{1}{9}$ **B. $\frac{5}{18}$** C. $\frac{3}{18}$ D. $\frac{7}{18}$

Câu 195. Gieo hai con súc sắc. Xác suất để tổng số chấm trên hai mặt chia hết cho 3 là:

A. $\frac{13}{36}$

B. $\frac{11}{36}$

C. $\frac{1}{6}$

D. $\frac{1}{3}$

Câu 196. Sắp 3 quyển sách Toán và 3 quyển sách Vật Lí lên một kệ dài. Xác suất để 2 quyển sách cùng một môn nằm cạnh nhau là:

A. $\frac{1}{5}$

B. $\frac{1}{10}$

C. $\frac{1}{20}$

D. $\frac{2}{5}$

Câu 197. Một hộp đựng 4 bi xanh và 6 bi đỏ lần lượt rút 2 viên bi. Xác suất để rút được một bi xanh và 1 bi đỏ là:

A. $\frac{4}{15}$

B. $\frac{6}{25}$

C. $\frac{8}{25}$

D. $\frac{4}{15}$

Câu 198. Một bình đựng 5 quả cầu xanh và 4 quả cầu đỏ và 3 quả cầu vàng. Chọn ngẫu nhiên 3 quả cầu. Xác suất để được 3 quả cầu khác màu là:

A. $\frac{3}{5}$

B. $\frac{3}{7}$

C. $\frac{3}{11}$

D. $\frac{3}{14}$

Câu 199. Gieo 3 con súc sắc cân đối và đồng chất. Xác suất để số chấm xuất hiện trên 3 con súc sắc đó bằng nhau:

A. $\frac{5}{36}$

b) $\frac{1}{9}$

C. $\frac{1}{18}$

D. $\frac{1}{36}$

Câu 200. Gieo đồng tiền 5 lần cân đối và đồng chất. Xác suất để được ít nhất một đồng tiền xuất hiện mặt sấp là:

A. $\frac{31}{32}$

B. $\frac{21}{32}$

C. $\frac{11}{32}$

D. $\frac{1}{32}$

Câu 201. Một bình đựng 4 quả cầu xanh và 6 quả cầu trắng. Chọn ngẫu nhiên 3 quả cầu. Xác suất để được 3 quả cầu toàn màu xanh là:

A. $\frac{1}{20}$

B. $\frac{1}{30}$

C. $\frac{1}{15}$

D. $\frac{3}{10}$

Câu 202. Một bình đựng 4 quả cầu xanh và 6 quả cầu trắng. Chọn ngẫu nhiên 4 quả cầu. Xác suất để được 2 quả cầu xanh và 2 quả cầu trắng là:

A. $\frac{1}{20}$

B. $\frac{3}{7}$

C. $\frac{1}{7}$

D. $\frac{4}{7}$

Câu 203. Gieo 2 con súc sắc cân đối và đồng chất. Xác suất để tổng số chấm xuất hiện trên hai mặt của 2 con súc sắc đó không vượt quá 5 là:

A. $\frac{2}{3}$

B. $\frac{7}{18}$

C. $\frac{8}{9}$

D. $\frac{5}{18}$